TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **35**/2019/HNGĐ-ST*
Ngày: 26-9-2019
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm Nh dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện
2. Bà Huỳnh Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa- Ông Võ Minh Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về *"Tranh chấp ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Ngô Thu Tr, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số X, khu phố V, phường A, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Tr có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh Nguyễn Tường Nh, sinh năm 1976;

HKTT: Số X, khu phố V, phường A, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chổ ở hiện nay: Tổ C, khu phố M, thị trấn MI, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Nh vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 17-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thu Tr trình bày:*

Vào năm 1995 chị và anh Nguyễn Tường Nh cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cở sở hoàn toàn tự nguyện, hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30-10-2008.

Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cải làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh Nh đã bỏ ra ngoài sinh sống từ năm 2013 đến nay. Mặc dù chỉ đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành mà mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng hơn, chị và anh Nh đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có chung với nhau 02 người con tên Nguyễn Trường V, sinh ngày 19-10-1995 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12-12-1996, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thu Tr yêu cầu:

Về hôn Nh: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Tường Nh.

Về con chung: Chị Tr xác nhận con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07-8-20419 bị đơn anh Nguyễn Tường Nh trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung chị Tr trình bày là đúng và anh Nh đồng ý ly hôn với chị Tr. Tuy nhiên Tòa án tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nh biết nhưng anh Nh đều không có mặt.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 07-8-2019, anh Nh có ý kiến:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Ngô Thu Tr.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nh. Anh Nh vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Tr**.**

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thu Tr khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Tường Nh có hộ khẩu thường trú số X, khu phốV, phường A, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Chổ ở hiện nay: Tổ C, khu phố M, thị trấn MI, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nh dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ anh Nh đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Nh vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nh là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Tr và anh Nh kết hôn trên cơ sở hôn Nh hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Tr nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cải làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa, vấn đề này cũng được anh Nh thừa nhận và anh Nh cũng đồng ý ly hôn với chị Tr. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến nhau nên về mặt tình cảm không còn hạnh phúc nữa. Tại phiên tòa chị Tr vẫn cương quyết ly hôn với anh Nh. Từ đó cho thấy quan hệ hôn Nh giữa chị Tr và anh Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, yêu cầu của chị Tr về việc xin ly hôn với anh Nh là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn Nh và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Tr và anh Nh xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Trường Vinh, sinh ngày 19-10-1995 và Nguyễn Minh Điền, sinh ngày 12-12-1996, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Tr cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Tr phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn Nh: Chị Ngô Thu Tr được ly hôn với anh Nguyễn Tường Nh.

2. Về con chung: Chị Ngô Thu Tr xác nhận đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Ngô Thu Tr xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Ngô Thu Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Ngô Thu Tr phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Tr được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009794 ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị Tr có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách

N***ơi nhận***:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.